TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-ST
Ngày: 21 – 3 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Âu Cần Đông

Ông Lê Văn Qui

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Nghiên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ L công khai vụ án thụ lý số 111/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST–DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lâm Quang T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1976. Có mặt

Địa chỉ: Khu vực 5, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1976. Có mặt

Bà Trần Thị Bạch Y, sinh năm 1979. Có mặt

Địa chỉ: Khu vực 5, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lâm Thị L, sinh năm 1979. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt

Địa chỉ: Khu vực 5, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Ngày 08/6/2020 ông T có cho ông Nguyễn Thanh B và bà Trần Thị Bạch Y mượn số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Ông B, bà Y có đưa cho ông T giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01022 ngày 08/10/2007 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Nguyễn Thanh B. Thời gian mượn tiền từ ngày 08/6/2020 đến ngày 08/6/2021. Đến ngày trả nợ ông T có gặp ông B, bà Y yêu cầu trả lại số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh nhưng ông B, bà Y không trả.

Nay ông T yêu cầu ông B, bà Y trả lại số tiền gốc 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày viết biên nhận nợ ngày 08/6/2020 đến ngày xét xử.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh B, khi nào ông B, bà Y trả hết nợ cho ông T thì ông T sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà Y.

Bị đơn bà Trần Thị Bạch Y trình bày: Bà Y thừa nhận ngày 08/6/2020 bà Y và chồng bà Y là ông Nguyễn Thanh B vay của ông Lâm Quang T số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay tiền từ ngày 08/6/2020 đến ngày 08/6/2021. Bà Y có đưa cho ông T giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01022 ngày 08/10/2007 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Nguyễn Thanh B. Các bên thỏa thuận khi nào bà Y, ông B trả lại tiền thì ông T sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà Y. Từ khi vay đến nay bà Y có trả cho ông T đến tháng 12 năm 2022 với 26 tháng tiền lãi là 78.000.000 đồng. Khi trả lãi không có làm biên nhận chỉ đưa tiền và ông T có ghi vào sổ của ông T.

Năm 2023, bà Y đưa cho bà Lâm Thị L chị của ông T số tiền lãi 6.000.000 đồng để nhờ bà L trả lãi cho ông T (vào tháng 2/2023 đưa 3.000.000 đồng (đưa nhiều lần trong tháng), khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2023 Lâm Quang T và Lâm

Thị L có đến nhà bà Y thỏa thuận cho vợ chồng bà Y trả mỗi tháng 5.000.000 đồng tiến vốn gốc, tiền vốn và lãi lên đến 120.000.000 đồng, bà Y có viết biên nhận nợ khác do bà L giữ. Vào ngày 30 không nhớ tháng nào của năm 2023 bà Y có đưa cho bà L thêm số tiền lãi là 3.000.000 đồng).

Nay bà Y đồng ý trả cho ông T số tiền gốc 100.000.000 đồng, phần tiền lãi thì bà Y xin T bộ số tiền lãi là 20.000.000 đồng.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh B hiện nay bà Y chưa yêu cầu ông T trả lại khi nào bà Y trả hết nợ cho ông T thì bà Y sẽ yêu cầu ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày: Ông B thống nhất lời trình bày của bà Trần Thị Bạch Y. Ông B thừa nhận có nợ ông Lâm Quang T số tiền 100.000.000 đồng. Đối với tiền lãi thì ông B xin phần lãi.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Th chấp cho ông T, ông B chưa yêu cầu ông T trả lại khi nào ông B trả hết nợ cho ông T thì ông B sẽ yêu cầu ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Thị L trình bày: Bà L là chị ruột của ông Lâm Quang T, bà L có giới thiệu ông B, bà Y để ông T cho vay tiền. Ông B, bà Y nợ số tiền 100.000.000 đồng của ông T. Ông B, bà Y không có nợ tiền của bà L và cũng không có chuyển số tiền nợ 100.000.000 đồng của ông T qua cho bà L. Bà L khẳng định không có nhận số tiền lãi 6.000.000 đồng từ ông B, bà Y theo như lời bà Y trình bày. Do bà L không có giao dịch gì liên quan đến ông B, bà Y nên tôi không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Quang T. Buộc bị đơn Nguyễn Thanh B, Trần Thị Bạch Y có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Lâm Quang T số tiền 120.000.000 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được L tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về L quyền: Đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc L quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Thị L vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Thị L và dành quyền kháng cáo cho bà L theo luật định.

[3] Về nội dung:

[3.1] Đối với số tiền vay, căn cứ vào biên nhận ngày 08/6/2020 với nội dung *"Tôi tên Nguyễn Thanh B, sinh năm 1976…. Tôi có mượn của ông Lâm Quang T….với số tiền 100.000.000 đồng…".* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thanh B và vợ bà Trần Thị Bạch Y thừa nhận có vay của nguyên đơn Lâm Quang T số tiền là 100.000.000 đồng và có viết biên nhận ngày 08/6/2020 cho nguyên đơn. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh B và bà Trần Thị Bạch Y có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền còn nợ 100.000.000 đồng. Bị đơn ông Nguyễn Thanh B và bà Trần Thị Bạch Y đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn T tự nguyện. Tài sản nguyên đơn cho bị đơn vay là tiền, tổng số tiền bị đơn vay của nguyên đơn 100.000.000 đồng. Thời gian vay tiền từ ngày 08/6/2020 đến ngày 08/6/2021. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ bị đơn không trả vốn làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn.

Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.".* Như vậy, bị đơn đã vay tiền của nguyên đơn nhưng đến hạn mà không trả, từ đó làm thiệt thòi đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên

đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất: Các bên thống nhất là khi vay tiền có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng từ khi vay đến nay bị đơn không trả lãi cho nguyên đơn. Bị đơn không thừa nhận và cho rằng từ khi vay đến nay bà Y có trả cho ông T đến tháng 12 năm 2022 với 26 tháng tiền lãi là 78.000.000 đồng. Khi trả lãi không có làm biên nhận chỉ đưa tiền và ông T có ghi vào sổ của ông T. Năm 2023, bà Y đưa cho bà Lâm Thị L chị của ông T số tiền lãi 6.000.000 đồng để nhờ bà L trả lãi cho ông T (vào tháng 2/2023 đưa 3.000.000 đồng (đưa nhiều lần trong tháng), khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2023 Lâm Quang T và Lâm Thị L có đến nhà bà Y thỏa thuận cho vợ chồng bà Y trả mỗi tháng 5.000.000 đồng tiến vốn gốc, tiền vốn và lãi lên đến 120.000.000 đồng. Vào ngày 30 không nhớ tháng nào của năm 2023 bà Y có đưa cho bà L thêm số tiền lãi là 3.000.000 đồng).

Xét thấy, việc bị đơn cho rằng có trả lãi cho nguyên đơn số tiền 78.000.000 đồng nhưng không được phía nguyên đơn thừa nhận và bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cấn trừ số tiền lãi cho bị đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi từ ngày vay ngày 08/6/2020 đến ngày xét xử sơ L với số tiền 20.000.000 đồng. Bị đơn bà Trần Thị Bạch Y và ông Nguyễn Thanh B xin miễn, giảm phần lãi vì trước đây đã đóng lãi quá nhiều.

Xét thấy, Căn cứ vào khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 "Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả". Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày vay 08/6/2020 đến thời điểm xét xử là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi từ số tiền 20.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn Nguyễn Thanh B, Trần Thị Bạch Y phải chịu số tiền 6.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 273, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Quang T về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Thanh B, Trần Thị Bạch Y trả lại số tiền vay.

2. Buộc bị đơn Nguyễn Thanh B, Trần Thị Bạch Y có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Lâm Quang T số tiền 120.000.000 đồng *(một trăm hai mươi triệu đồng),* trong đó tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)* và tiền lãi là 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01022, do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Nguyễn Thanh B ngày 08/10/2007, hiện nay ông Lâm Quang T đang giữ sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Thanh B, Trần Thị Bạch Y phải chịu số tiền là 6.000.000 đồng *(sáu triệu đồng)*.

Nguyên đơn Lâm Quang T có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) theo phiếu thu số 8/2023-Q2, lập ngày 05/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ L. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ L
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đình Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ L

CÁC HỘI L NHÂN DÂN	**L PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Âu Cần Đông – Lê Văn Qui	**Nguyễn Đình Tiến**